TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường
2. Bà Nguyễn Thị Mùa

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Anh Đào– Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Đội H, thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn*: Ông Bùi Quang C, sinh năm 1989 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Hiện đang cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy Bình Phước

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2021, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Bùi Quang C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 22 tháng 11 năm 2018. Trong quá

trình chung sống hai vợ chồng sống không hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C chơi cờ bạc, sử dụng ma túy, ngoại tình và thường xuyên đánh đập bà T, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Vì vậy, bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T, ông C có 01 người con chung là cháu Bùi Quang P, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2017. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi người con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T, ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 19 tháng 10 năm 2021 bị đơn ông Bùi Quang C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quang C với bà Trần Thị Thanh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B. Đến năm 2017 sinh con trai đầu lòng tên là Bùi Quang P, trong cuộc sống hôn nhân lúc đầu hạnh phúc, đạt được mục đích hôn nhân, tuy nhiên đến năm 2020 hai vợ chồng không đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay bản thân đang chữa bệnh tại cơ sở cai nghiện may túy tỉnh Bình Phước, ông C đã nhận được đơn xin ly hôn của bà T và thống nhất đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về thụ lý, phân công thẩm phán; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; thủ tục công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 205, 208, 209 của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 38, 51, 56, 58, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Giao người con chung là Bùi Quang P, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", do nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Bùi Quang C có hội khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Bùi Quang C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 22 tháng 11 năm 2018 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 129/2018. Như vậy hôn nhân giữa bà T, ông C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình

Bà T có yêu cầu được ly hôn với ông C vì lý do trong quá trình chung sống hai vợ chồng sống không hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C chơi cờ bạc, sử dụng ma túy, ngoại tình và thường xuyên đánh đập bà T, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Vì vậy, bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C.

Ông C xác nhận không đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông C đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T.

Xét thấy, trong quá trình chung sống thì giữa bà T và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng cả hai bên đã không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng, hai bên không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của bà T được ly hôn với ông C là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Bà T có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Bùi Quang P, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2017. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần, hiện nay ông C đang đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện tỉnh Bình Phước không thể trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do các đương sự không có yêu cầu.

* Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do các đương sự không có yêu cầu.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn ông Bùi Quang C.

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao người con chung là cháu Bùi Quang P, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

1.5. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, bà Trần Thị Thanh T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007656 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

NGUYỄN THỊ TUYẾT